TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH HÓA** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 80/2018/QĐST-HNGĐ	*Định Hóa, ngày 25 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 123/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị V - Sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Xóm HH, xã TH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình N – Sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Xóm QT, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị V - Sinh năm: 1991. Địa chỉ: Xóm HH, xã TH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và anh Nguyễn Đình N – Sinh năm: 1988. Địa chỉ: Xóm QT, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về con chung: Chị V và anh N xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 07/11/2009. Khi ly hôn, chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh N do chị V tự nguyện không yêu cầu. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2.Về tài sản chung, về nợ chung, khoản có cho vay chung: Chị V và anh N xác định không có.

2.3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị V tự nguyện chịu 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018144 ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên sang tiền án phí. Số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng) được hoàn trả lại cho chị Bùi Thị V

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hóa (02 bản);
- Chi cục thi hành án huyện Định Hóa;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Kiểm